

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA THƯƠNG MẠI

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LẦN 1
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Quản trị sản xuất		
Mã học phần:	71SCMN40123	Số tín chỉ:	03
Mã nhóm lớp học phần:	241_71SCMN40123		
Hình thức thi:	Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75 phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☒ Có	☐ Không	

Giảng viên nộp đề thi, đáp án bao gồm cả **Lần 1 và Lần 2 trước ngày 17/11/2024**.

Cách thức nộp bài phần tự luận (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):

Gợi ý:

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;
- Upload file bài làm (word, excel, pdf...);
- Upload hình ảnh bài làm (chỉ những trường hợp vẽ biểu đồ, công thức tính toán đặc biệt).

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (**nén lại và đặt mật khẩu file nén**) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Trình bày rõ ràng khái niệm quản trị sản xuất, tầm quan trọng của quản trị sản xuất, hệ thống sản xuất	Trắc nghiệm	10%	Câu trắc nghiệm 1 tới 4	5/3	PI 3.1
CLO2	Trình bày được vai trò của dự báo trong quản trị sản xuất và hiểu các phương pháp dự báo cơ bản trong quản trị sản xuất	Trắc nghiệm	20%	Câu trắc nghiệm từ 5 tới 12	5/3	PI 3.2
CLO3	Hiểu và nắm vững các nguyên tắc điều độ sản xuất và phân giao công việc trong các hệ thống sản xuất khác nhau	Tự luận	25%	Câu tự luận 1	4	PI 3.2
CLO4	Hiểu và ứng dụng các kỹ thuật tối ưu hóa trong sản xuất	Tự luận	25%	Câu tự luận 2	2	PI 7.3
CLO5	Làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả; tổ chức công việc tốt; giao tiếp với người khác một cách hiệu quả (bằng ngôn ngữ, cử chỉ, điện thoại, văn bản,...); thuyết trình và nói trước đám đông một cách tự tin; vận dụng tốt khả năng tư duy phản biện và nhận xét.	Trắc nghiệm	10%	Câu trắc nghiệm từ 12 tới 15	2/3	PI 7.1
CLO6	Tuân thủ các quy định pháp luật và các giá trị đạo đức kinh doanh trong hoạt động thương mại; đồng thời thể hiện được tinh thần trách nhiệm; khả năng chịu được áp	Trắc nghiệm	10%	Câu trắc nghiệm từ 16 tới 20		PI 10.1

	lực trong công việc; trung thực; có tính kỷ luật trong môi trường học tập và làm việc; có ý thức tự học suốt đời					
--	--	--	--	--	--	--

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

Ví dụ:

PHẦN TRẮC NGHIỆM (20 câu hỏi, 5 điểm)

Câu 1: Chức năng chính của Quản trị sản xuất là gì?

- A. LẬP KẾ HOẠCH, TỔ CHỨC, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT**
- B. Phát triển sản phẩm mới dựa trên công nghệ.
- C. Giảm chi phí lưu kho tối đa.
- D. Duy trì mối quan hệ với khách hàng.

ANSWER: A

Câu 2: Trong các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất, yếu tố nào quan trọng nhất?

- A. CÔNG NGHỆ VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT**
- B. Chi phí lao động.
- C. Sự ổn định của thị trường.
- D. Chính sách thuế của nhà nước.

ANSWER: A

Câu 3: Yếu tố nào không nằm trong các bước hoạch định năng lực?

A. ĐÁNH GIÁ ĐỐI THỦ CẠNH TRANH

B. Ước lượng yêu cầu năng lực tương lai.

C. Thực hiện phân tích tài chính.

D. Giám sát kết quả thực hiện.

ANSWER: A

Câu 4: Khi quyết định "Make or Buy", nhà quản lý cần cân nhắc yếu tố nào trước tiên?

A. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ MUA NGOÀI

B. Uy tín của nhà cung cấp bên ngoài.

C. Thời gian giao hàng của đối tác.

D. Quy trình sản xuất có sẵn.

ANSWER: A

Câu 5: Trong phân tích phương pháp làm việc, biểu đồ dòng quá trình (Flow Process Chart) dùng để làm gì?

A. XÁC ĐỊNH CÁC CHUYỂN ĐỘNG VÀ DÒNG CHẢY NGUYÊN LIỆU

B. Tính toán chi phí sản xuất.

C. Lập kế hoạch sản xuất hàng ngày.

D. Đánh giá hiệu suất của máy móc

ANSWER: A

Câu 6: Khi nào hiệu suất của một hệ thống đạt tối ưu?

A. KHI SẢN LƯỢNG THỰC TẾ GẦN NHẤT VỚI NĂNG LỰC THIẾT KẾ

B. Khi thời gian bảo trì được giảm tối thiểu.

C. Khi chi phí lao động thấp nhất.

D. Khi tỷ lệ sản phẩm lỗi bằng 0.

ANSWER: A

Câu 7: Phương pháp nào giúp giảm thiểu lãng phí trong các chuyển động làm việc?

A. NGHIÊN CỨU CHUYỂN ĐỘNG (MOTION STUDY)

B. Phân tích dòng thời gian (Timeline Analysis).

C. Lập kế hoạch quy trình (Process Planning).

D. Tối ưu hóa sơ đồ bố trí (Layout Optimization).

ANSWER: A

Câu 8: Một hệ thống sản xuất gồm 3 công đoạn với năng lực như sau:

- Công đoạn 1: 20 sản phẩm/giờ

- Công đoạn 2: 15 sản phẩm/giờ

- Công đoạn 3: 25 sản phẩm/giờ

Hỏi năng suất tối đa của hệ thống sản xuất này là bao nhiêu?

A. 15 SẢN PHẨM/GIỜ. VÌ NĂNG SUẤT CỦA HỆ THỐNG SẢN XUẤT ĐƯỢC GIỚI HẠN BỞI CÔNG ĐOẠN CÓ NĂNG LỰC THẤP NHẤT.

B. 20 sản phẩm/giờ. Vì năng suất của hệ thống sản xuất chỉ đạt mức trung bình.

C. 25 sản phẩm/giờ. Vì năng suất của hệ thống sản xuất sản xuất đạt mức cao nhất và cả quy trình

bị tác động bởi công đoạn này.

D. Không xác định được. Vì hệ thống sản xuất không có mức giới hạn trên và dưới.

ANSWER: A

Câu 9: Một trong những nhược điểm của chuyên môn hóa trong thiết kế công việc là gì?

A. TẠO CẢM GIÁC NHÀM CHÁN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

B. Giảm chi phí sản xuất.

C. Tăng tính hiệu quả công việc.

D. Dễ dàng đào tạo nhân viên mới.

ANSWER: A

Câu 10: Phương pháp nào dùng để phân tích thời gian tiêu chuẩn cho một công việc?

A. STUDY STOPWATCH TIME (PHƯƠNG PHÁP BẮM GIỜ)

B. Lấy mẫu công việc.

C. Phân tích dòng thời gian.

D. Thiết kế bố trí nhà xưởng.

ANSWER: A

Câu 11: Đặc điểm nào sau đây không đúng với dự báo dựa trên chuỗi thời gian?

A. CHỈ PHÙ HỢP VỚI DỮ LIỆU KHÔNG BIẾN ĐỘNG

B. Dựa trên dữ liệu lịch sử.

C. Có thể xác định xu hướng.

D. Có thể áp dụng cho dự báo mùa.

ANSWER: A

Câu 12: Phân tích chi phí - sản lượng (Cost-Volume Analysis) chủ yếu dùng để làm gì?

A. TÍNH ĐIỂM HÒA VỐN

B. Tối ưu hóa quy trình sản xuất.

C. Xác định công suất tối đa của hệ thống.

D. Giảm chi phí nguyên vật liệu.

ANSWER: A

Câu 13: Trong thiết kế công việc, mục tiêu chính của nghiên cứu thao tác (Motion Study) là gì?

A. TỐI ƯU HÓA CÁC CHUYỂN ĐỘNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

B. Tăng thời gian làm việc.

C. Giảm chi phí đào tạo nhân viên.

D. Tăng sự đa dạng công việc.

ANSWER: A

Câu 14: Áo dài là di sản văn hoá và là niềm tự hào của người dân Việt Nam. Vậy tại một cửa hàng may áo dài, việc đo mai đo áo dài được thiết kế bằng mặt bằng theo dạng gì?

A. THIẾT KẾ MẶT BẰNG THEO QUY TRÌNH

B. Thiết kế mặt bằng theo sản phẩm

C. Thiết kế mặt bằng cố định

D. Thiết kế mặt bằng hỗn hợp

ANSWER: A

Câu 15: Tại sao cần thay đổi thiết kế mặt bằng sản xuất? Lựa chọn đáp án đủ và chính xác nhất

A. ĐỂ GIẢM CHI PHÍ, KHẮC PHỤC ĐIỂM NGHE QUY TRÌNH, HOẶC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU MỚI VỀ SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ

B. Để tăng diện tích sử dụng mà không cần thay đổi quy trình, đáp ứng yêu cầu về môi trường và pháp luật.

C. Để giảm chi phí thuê nhân sự vận hành, thay đổi sản phẩm, dịch vụ, công nghệ hoặc đơn hàng lớn từ phía khách hàng, đảm bảo tuân thủ pháp luật.

D. Để giảm thời gian làm việc cho nhân viên, tận dụng tối đa không gian của nhà xưởng, hoặc đáp ứng tiêu chuẩn khách hàng.

ANSWER: A

Câu 16: Phương pháp "Johnson" áp dụng khi nào trong điều độ sản xuất?

A. KHI PHẢI PHÂN CÔNG CÔNG VIỆC CHO HAI MÁY

B. Khi phải xử lý các công việc phức tạp trên nhiều máy.

C. Khi cần giảm thời gian ngừng máy đến mức tối thiểu.

D. Khi sản xuất hàng loạt với chi phí thấp nhất.

ANSWER: A

Câu 17: "7 loại lãng phí" trong Lean Manufacturing bao gồm:

A. TỒN KHO, VẬN CHUYỂN, CHỜ ĐỢI, SẢN XUẤT DƯ, THAO TÁC THỪA, GIA CÔNG THỪA, KHUYẾT TẬT

B. Tồn kho, vận chuyển, chờ đợi, sản xuất dư, thao tác thừa, sản phẩm lỗi, và khuyết tật.

C. Lãng phí vận chuyển, tồn kho, chờ đợi, sản xuất dư, thao tác sai, gia công không cần thiết, và lỗi sản phẩm.

D. Vận chuyển, tồn kho, chờ đợi, sản xuất dư thừa, thao tác thừa, sản phẩm lỗi, và gia công thừa.

ANSWER: A

Câu 18: Giải pháp hiệu quả nhất để giảm "lãng phí do tồn kho" là gì?

A. ÁP DỤNG MÔ HÌNH JUST IN TIME (JIT)

B. Xây dựng nhiều nhà kho lớn hơn.

C. Sử dụng lao động thời vụ để quản lý tồn kho.

D. Duy trì mức tồn kho cao để phòng ngừa rủi ro.

ANSWER: A

Câu 19: Tư duy "Pull System" trong Lean có nghĩa là gì?

A. SẢN XUẤT THEO NHU CẦU KÉO TỪ KHÁCH HÀNG

B. Sản xuất dựa trên dự báo thị trường.

C. Duy trì tồn kho ở mức cao.

D. Sản xuất hàng loạt để giảm chi phí.

ANSWER: A

Câu 20: Khái niệm "Muda" trong sản xuất Lean chỉ về:

A. LÃNG PHÍ KHÔNG TẠO RA GIÁ TRỊ**B.** Sự mất cân bằng trong dây chuyền sản xuất.**C.** Quá tải trong hệ thống sản xuất.**D.** Tài nguyên bị sử dụng sai mục đích.

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (3 câu hỏi)

Câu 1 (2 Điểm): Một dây chuyền sản xuất bao gồm 8 công việc với các thông tin trong bảng sau:

Công việc	Công việc liền sau	Thời gian (giây)
A	-	50
B	A	70
C	A	100
D	B	30
E	B	40
F	D, E	50
G	C	110
H	F, G	80

Thực hiện các yêu cầu sau:

- Vẽ giản đồ quan hệ trước sau. (0.5 điểm)
- Giải sử mỗi ngày làm việc 7 tiếng, tính thời gian chu kỳ cần thiết (takt time) để sản xuất 180 sản phẩm trên ngày. (0.5 điểm)
- Xác định số trạm làm việc yêu cầu ít nhất. (0.5 điểm)
- Gán công việc vào các trạm làm việc theo nguyên tắc công việc có thời gian dài nhất (chọn công việc có sẵn mà có thời gian thực hiện dài nhất) (0.5 điểm)

Câu hỏi 2: (2 điểm)

Một công ty nhận được 4 đơn hàng cung cấp sản phẩm với thời gian sản xuất, thời gian hoàn thành và thứ tự nhận các đơn hàng như thông tin trong bảng. Với phương pháp phân công công việc theo nguyên tắc đến trước làm trước, hãy xác định các chỉ tiêu.

- Dòng thời gian trung bình (0.5 điểm)
- Số công việc trung bình (0.5 điểm)
- Thời gian chậm trung bình (0.5 điểm)
- Hiệu quả của phương án (0.5 điểm)

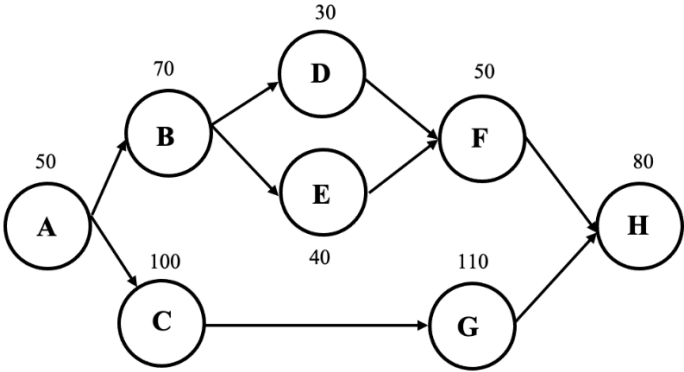
Công việc	Thời gian sản xuất (ngày)	Thời gian hoàn thành (ngày)
A	4	5

B	3	7
C	6	10
D	2	8

Câu hỏi 3: (1 điểm)

Nguyên nhân nào dẫn đến lãng phí do tồn kho trong doanh nghiệp, và những giải pháp nào có thể áp dụng để giảm thiểu lãng phí này một cách hiệu quả?

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú																			
I. Trắc nghiệm		5.0																				
II. Tự luận		5.0																				
Câu hỏi 1		2.0																				
Nội dung a)		0.5																				
Nội dung b)	Takt time = Tổng thời gian có sẵn / Nhu cầu = 7 giờ / ngày * 60 phút / giờ * 60 giây / 180 sản phẩm = 25.200 giây / 180 sản phẩm = 140 giây / sản phẩm	0.5																				
Nội dung c)	Số trạm làm việc tối ưu: $N = \frac{\sum t \text{ (Tổng thời gian hoàn thành sản phẩm)}}{\text{Thời gian chu kỳ mong muốn}}$ $N = \frac{50 + 70 + 100 + 30 + 40 + 50 + 110 + 80}{140}$ $N = \frac{530}{140} = 3,78 = 4 \text{ trạm}$	0.5																				
Nội dung d)	<table><tr><th>Trạm</th><th>Công việc khả dĩ</th><th>Công việc được chọn</th><th>Thời gian gia công (giây)</th><th>Thời gian còn lại (giây)</th></tr><tr><td rowspan="2">1</td><td>A</td><td>A</td><td>50</td><td>90</td></tr><tr><td>B,C</td><td>B</td><td>120</td><td>20</td></tr><tr><td>2</td><td>C,D,E</td><td>C</td><td>100</td><td>40</td></tr></table>	Trạm	Công việc khả dĩ	Công việc được chọn	Thời gian gia công (giây)	Thời gian còn lại (giây)	1	A	A	50	90	B,C	B	120	20	2	C,D,E	C	100	40		
Trạm	Công việc khả dĩ	Công việc được chọn	Thời gian gia công (giây)	Thời gian còn lại (giây)																		
1	A	A	50	90																		
	B,C	B	120	20																		
2	C,D,E	C	100	40																		

		D,E	E	140	0																														
	3	G,D	G	110	30																														
		D	D	140	0																														
	4	F	F	50	90																														
		H	H	80	10																														
Câu hỏi 2						2.0																													
Nội dung a)		<table><tr><th>Công việc</th><th>Thời gian sản xuất (ngày)</th><th>Thời gian hoàn thành (ngày)</th><th>Dòng thời gian (ngày)</th><th>Thời gian chậm trễ (ngày)</th></tr><tr><td>A</td><td>4</td><td>5</td><td>4</td><td>0</td></tr><tr><td>B</td><td>3</td><td>7</td><td>7</td><td>0</td></tr><tr><td>C</td><td>6</td><td>10</td><td>13</td><td>3</td></tr><tr><td>D</td><td>2</td><td>8</td><td>15</td><td>7</td></tr><tr><td>TỔNG</td><td>15</td><td>30</td><td>39</td><td>10</td></tr></table> Đây là bảng bắt buộc sinh viên phải thực hiện nếu muốn ra đáp án Dòng thời gian trung bình = $\frac{39}{4} = 9.75$ ngày	Công việc	Thời gian sản xuất (ngày)	Thời gian hoàn thành (ngày)	Dòng thời gian (ngày)	Thời gian chậm trễ (ngày)	A	4	5	4	0	B	3	7	7	0	C	6	10	13	3	D	2	8	15	7	TỔNG	15	30	39	10		0.5	
Công việc	Thời gian sản xuất (ngày)	Thời gian hoàn thành (ngày)	Dòng thời gian (ngày)	Thời gian chậm trễ (ngày)																															
A	4	5	4	0																															
B	3	7	7	0																															
C	6	10	13	3																															
D	2	8	15	7																															
TỔNG	15	30	39	10																															
Nội dung b)		Số công việc trung bình = $\frac{39}{15} = 2.6$ công việc				0.5																													
Nội dung c)		Thời gian chậm trung bình = $\frac{10}{4} = 2.5$ ngày				0.5																													
Nội dung d)		Hiệu quả của phương án = $\frac{15}{39} \times 100\% = 38.46\%$				0.5																													
Câu hỏi 3		Về nguyên nhân lãng phí do tồn kho, sinh viên cần trình bày đúng từ 2 trong số các ý chính sau: – Dự báo kém chính xác. – Lo sợ rủi (nguồn cung, khách hàng,...) – Muốn tăng khả năng cạnh tranh nhờ giảm thời gian giao hàng. – Mất cân bằng giữa các trạm. – Khả năng linh hoạt kém. – Dư thừa năng lực sản xuất. Về giải pháp để giảm thiểu lãng phí do tồn kho, sinh viên cần trình bày đúng từ 2 trong số các ý chính sau: – Xây dựng nhận thức tồn kho cần thiết. – Phân tích – dự đoán nhu cầu. – Đánh giá năng lực sản xuất – hoạch định cung ứng – Áp dụng mô hình EOQ – POQ. – Áp dụng mô hình Just in time (JIT).				1.0																													

	Trong trường hợp sinh viên chỉ trình bày được một trong mệnh đề thi được đánh giá 0.5 điểm		
	Điểm tổng	10.0	

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024
Giảng viên ra đề

Nguyễn Viết Tịnh

Nguyễn Văn Thuận
Nguyễn Minh Nhật